*Ngày dạy: 23/10/2023*

**Tiếng Việt**

**- 85+86 -**

**Bài 40: âm, âp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết vần **âm,** vần **âp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **âm,** vần **âp.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **âm, âp;** làm đúng BT nối ghép từ.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bé Lê.*

- Viết đúng các vần **âm, âp,** các tiếng **củ sâm, cá mập** (trên bảng con).

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Ti vi để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 85**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **A. Hoạt động mở đầu** (4’)  - GV gọi HS đọc bài Cô bé chăm chỉ (bài 39).  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (2’)  - GV: Ở bài trước các em đã được học vần **ăm,** vần **ăp.** Bài học hôm nay, các em sẽ tiếp tục học thêm 2 vần nữa là vần **âm,** vần **âp.**  **2. Chia sẻ và khám phá:** (BT 1)  **2.1.** Dạy vần **âm** (5’)  - GV chỉ vần **âm** (từng chữ **â, m**)  - GV yêu cầu HS phân tích vần **âm**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là gì?  ? Trong từ *củ sâm,* tiếng nào có vần **âm**?  - GV giải nghĩa: *sâm* (loại cây có củ, rễ dùng làm thuốc bổ).  - GV giới thiệu mô hình tiếng **sâm.**    - GV chỉ lại mô hình vần **âm,** mô hình tiếng **sâm,** từ khoá.  **2.2.** Dạy vần **âp** (5’)  - GV chỉ vần **âp** (từng chữ **â, p)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **âp**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là con gì?  ? Trong từ *cá mập,* tiếng nào có vần **âp**?  - GV giải nghĩa: *cá mập* (loài cá lớn, rất dữ, sống ở biển, đại dương)  - GV giới thiệu mô hình tiếng **mập**.    - GV chỉ lại mô hình vần **âp,** mô hình tiếng **mập,** từ khoá.  ? Các em vừa được học vần mới, tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3.** **Hoạt động luyện tập** (6’)  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **âm,** tiếng có vần **âp)**  - GV xác định yêu cầu  - GV chỉ từng chữ dưới hình  - GV giải nghĩa: *sâm cầm* (loại chim sống dưới nước, chân đen, mỏ trắng, sống ở phương Bắc, trú đông ở phương Nam, thịt thơm ngon).  - GV yêu cầu từng cặp HS tìm tiếng có vần **âm,** vần **âp** trong VBT.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm.  - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **âm**; có vần **âp**  **3.2. Mở rộng vốn từ** (BT 3: Ghép đúng)  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV chỉ từng từ  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài vào VBT  - GV gọi đại diện các nhóm nói kết quả  **3.3. Tập viết** (10’)(BT5 - Bảng con)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Vần **âm:** cao 2 li; viết **â** trước, **m** sau.  - Vần **âp:** viết **â** trước, **p** sau **(p** cao 4 li).  - (củ) **sâm:** viết **s** trước, vần **âm** sau.  - (cá) **mập:** viết **m** trước, vần **âp** sau, đấu nặng đặt dưới **â.**  c. GV yêu cầu HS viết: **âm, âp** (2 lần); (củ) **sâm,** (cá) **mập.**  - GV nhận xét, sửa sai (nếu có)  **\* Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **âm, âp**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có vần **âm, âp**  - Luyện viết bảng con thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 1HS đọc  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc âm **â,** chữ **m,** vần **âm.**  - HS phân tích: vần **âm** gồm có âm **â** đứng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **â - mờ - âm / âm.**  - HS: Củ sâm  - HS: Tiếng **sâm**  - HS nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: **sờ - âm - sâm.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: â - mờ - âm / sờ - âm - sâm / củ sâm.  - HS đọc âm **â,** chữ **p,** vần **âp.**  - HS phân tích: vần **âp** gồm có âm **â** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **â - pờ - âp / âp.**  - HS: Cá mập  - HS: Tiếng **mập**  - HS nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: mờ - âp - mâp - nặng - mập / mập.  - Cả lớp đánh vần, đọc tron: â - pờ - âp / mờ - âp - mâp - nặng - mập / cá mập.  - HS nói 2 vần mới vừa học: **âm, âp;** 2 tiếng mới: **sâm, mập.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS quan sát, nghe  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: *nấm, mầm, tập múa, sâm cầm.*  - HS nghe  - HS làm bài trong VBT  - 2HS báo cáo kết quả  - Cả lớp: Tiếng **nấm** có vần **âm...** Tiếng **tập** (múa) có vần **âp...**  - HS tìm và nói  - HS nghe  - Cả lớp đọc  - HS hoạt động nhóm  - HS: *đầm - cá, đập - lúa, tấp - nập*  - Cả lớp nói lại.  - HS đọc  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - Nhận xét |

**Tiết 86**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **3.** **Hoạt động luyện tập**  **3.4. Tập đọc** (BT 4) (32’)  a. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Bé Lê rất thích xem ti vi. Bé nói gì khi xem ti vi, các em hãy cùng nghe.  b. GV đọc mẫu  c. GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **sâm cầm, chỉ, cá mập, vỗ về, ấm** và luyện đọc.  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu  ? Các em hãy tìm, đọc tiếng trong bài có vần **âm**, vần **âp**?  e. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu yêu cầu BT  - GV chỉ từng ý a, b, c cho cả lớp đọc.  - GV cho HS hoạt động nhóm làm vào VBT  - GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả  - GV nhận xét  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại nội dung bài 40.  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em đã hiểu sau khi học bài *Bé Lê*; xem trước bài 41: em, ep*.* | - HS nghe và quan sát  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS trả lời: 10 câu  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - HS trả lời: vần **âm:** *sâm cầm, ấm;* vần **âp:** (cá) *mập.*  - HS nghe  - Cả lớp đọc  - HS làm bài  - HS báo cáo: Ý a *(Bé Lê chả mê ti vi) -* sai. / Ý b *(Bé Lê sợ cá mập)* - đúng. / Ý c *(Có má, bé Lê chả sợ nữa) -* đúng.  - Cả lớp nhắc lại ý đúng  - Cả lớp đọc |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………